

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2025.

V/v Yêu cầu tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;

2. Ông Triệu Lát.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã
Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh
Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày
07 tháng 01 năm 2025 về việc: “*Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên
tòa số: 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Kim H, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn đề nghị
xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Nhan Tấn C, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm V, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 01/01/2025, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày
27/02/2025 nguyên đơn là bà Sơn Thị Kim H trình bày:**

Bà Sơn Thị Kim H và ông Nhan Tấn C tự nguyện sống chung với nhau như
vợ chồng từ năm 2003, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn. Trong
thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì bà Sơn Thị
Kim H và ông Nhan Tấn C phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm
trong lối sống, tính cách, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Trong thời gian chung sống, bà Sơn Thị Kim H và ông Nhan Tấn C có 02 con chung là Nhan Bảo A (giới tính: nam), sinh ngày 13/8/2003 và Nhan Tố L (giới tính: nữ), sinh ngày 29/4/2011.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành nên bà Sơn Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Kim H yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung với ông Nhan Tấn C không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Yêu cầu Tòa án giao cháu Nhan Tố L (giới tính: nữ), sinh ngày 29/4/2011 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi, bà H không yêu cầu ông Nhan Tấn C thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nhan Bảo A (giới tính: nam), sinh ngày 13/8/2003 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 01/01/2025.

Đối với bị đơn ông Nhan Tấn C: Trong quá trình giải quyết vụ án ông không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Sơn Thị Kim H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nhan Tấn C vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông C nhưng ông C không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông C chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý” và tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 quy định “nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Theo lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Nhan Bảo A (giới tính: nam), sinh

ngày 13/8/2003 và Nhan Tố L (giới tính: nữ), sinh ngày 29/4/2011. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục được nuôi con chung là cháu L, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Đối với con chung là Nhan Bảo A đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Riêng bị đơn không có ý kiến gì về con chung.

Xét thấy, con chung là cháu Nhan Tố L đang được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ khi sinh ra đến nay, đồng thời để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, giao con chung là Nhan Tố L (giới tính: nữ), sinh ngày 29/4/2011 hiện cháu L đang sống với nguyên đơn cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nhan Tố L. Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung của bà Sơn Thị Kim H và ông Nhan Tấn C không phải là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao con chung là Nhan Tố L (giới tính: nữ), sinh ngày 29/4/2011, hiện cháu L đang sống với nguyên đơn cho bà Sơn Thị Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, theo nguyện vọng của cháu Nhan Tố L. Ông Nhan Tấn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Nhan Tấn C không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Sơn Thị Kim H không yêu cầu.

Đối với con chung là Nhan Bảo A (giới tính: nam), sinh ngày 13/8/2003 hiện nay đã trên 18 tuổi. Đồng thời, bà H không có yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Do bà Sơn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Do bà Sơn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Sơn Thị Kim H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006285 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu không nộp thêm. Ông Nhan Tấn C không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- UBND phường V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình